

**VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
TỔ CÔNG TÁC CỦA TTgCP**

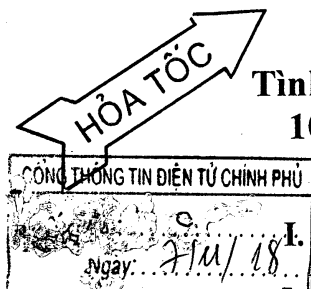
**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 434/BC-TCTTTg

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2018

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao
10 tháng năm 2018 và kết quả kiểm tra tháng 10 của Tổ công tác**



I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIAO

10 tháng năm 2018, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao 17.411 nhiệm vụ. Trong đó, có 8.792 nhiệm vụ đã hoàn thành, 8.354 nhiệm vụ đang thực hiện trong hạn, 265 nhiệm vụ chưa hoàn thành quá hạn (chiếm 2,9%, giảm 0,1% so với tháng trước) - (Phụ lục I).

- Về CTCT, 10 tháng có 293 đề án phải trình; các Bộ đã trình 206 đề án (đạt 70,3%), trong đó 109 đề án đã được ban hành (chiếm 53% số đề án đã trình); 87 đề án đã quá thời hạn chưa trình theo tiến độ (Phụ lục II).

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA THÁNG 10

Trong tháng 10 năm 2018, Tổ công tác đã tiến hành 02 cuộc kiểm tra đối với các Bộ trong việc chậm trình ban hành và ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định chi tiết thi hành luật, pháp lệnh đã có hiệu lực thi hành và các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) liên quan đến cải cách hoạt động KTCN, ĐKKD; kiểm tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam trong việc thực hiện nhiệm vụ giao. Tổ công tác xin báo cáo Chính phủ về kết quả kiểm tra như sau:

1. Tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết

- Về các văn bản quy định chi tiết còn nợ đọng:

+ Hiện còn nợ đọng 04 Nghị định và 01 Quyết định, thuộc trách nhiệm soạn thảo của các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư (01 ND), Tài chính (02 ND), Nội vụ (01 ND), Văn hoá, Thể thao và Du lịch (01 QĐ).

+ Các Bộ còn nợ 03 thông tư, gồm: Công an (02 thông tư); Công Thương (01 thông tư) - (Phụ lục III).

Tình hình nợ đọng văn bản quy định chi tiết có chuyển biến so với tháng trước (trong tháng, các Bộ đã trình Thủ tướng ký ban hành 02 Nghị định và ban hành theo thẩm quyền 02 Thông tư) nhưng tình hình nợ đọng vẫn chưa được các Bộ khắc phục dứt điểm.

- Các văn bản quy định chi tiết các Luật, pháp lệnh có hiệu lực từ ngày 01/01/2019

Các Bộ phải xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành 22 Nghị định và 02 Quyết định; ban hành theo thẩm quyền 20 thông tư để hướng dẫn thi hành 08 Luật có hiệu lực từ ngày 01/01/2019 (Phụ lục IV).

Trong số 24 văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đến nay các bộ mới hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được 4 văn bản. Đối với 20 thông tư ban hành theo thẩm quyền, hiện các Bộ đang triển khai xây dựng dự thảo.

2. Về tình hình trình ban hành và ban hành theo thẩm quyền các VBQPPL về KTCN và ĐKKD

a) Về KTCN đối với hàng hóa xuất nhập khẩu:

Theo kế hoạch, các Bộ quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu phải xây dựng, sửa đổi, bổ sung trình ban hành và ban hành theo thẩm quyền 28 VBQPPL (06 ND; 01 QĐ và 21 Thông tư) để đơn giản, cắt giảm 6.003/9.926 dòng hàng và 74 thủ tục.

Đến nay, các Bộ đã trình ban hành và ban hành được 21 VBQPPL, đã cắt giảm, đơn giản hóa 6.776/9.926 dòng hàng phải KTCN (tương đương 68,2%, đạt 136,5%, vượt 36,5% so với yêu cầu chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và vượt 13% so với phương án dự kiến của các Bộ) và 30 thủ tục (đạt 50% so với yêu cầu chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ).

Kết quả đạt được cụ thể của từng Bộ: Lao động, Thương binh và Xã hội đã đơn giản hóa, cắt giảm 33/33 dòng hàng; Khoa học và Công nghệ đã đơn giản hóa, cắt giảm 22/24 dòng hàng; Công Thương đã đơn giản, cắt giảm 402/702 dòng hàng; Thông tin và Truyền thông đã đơn giản, cắt giảm 89/146 dòng hàng; Xây dựng đã đơn giản, cắt giảm 33/64 dòng hàng; Giao thông vận tải đã đơn giản, cắt giảm được 80/134 dòng hàng và 07 thủ tục; Tài nguyên và Môi trường đã cắt giảm 38/74 dòng hàng; Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã cắt giảm, đơn giản 51/171 dòng hàng và 9/10 TTHC; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã đơn giản, cắt giảm 5.898 dòng hàng; Y tế: đã bãi bỏ 01 mặt hàng với 05 dòng hàng thuộc lĩnh vực an toàn thực phẩm phải KTCN; 810 dòng hàng của 04 mặt hàng còn lại đã áp dụng theo hình thức kiểm tra giảm (95% số lô hàng sẽ không phải kiểm tra chuyên ngành).

Như vậy, theo kế hoạch, hiện còn 07 VBQPPL liên quan đến cải cách hoạt động KTCN chưa được ban hành, thuộc trách nhiệm của các Bộ: Tài Nguyên và Môi trường: 03 Nghị định - hiện Bộ đã trình Thủ tướng Chính phủ; Y tế: 01 Thông tư; Nông nghiệp và PTNT: 02 Thông tư; Công an: 01 Thông tư.

b) Về cắt giảm, đơn giản các ĐKKD:

Theo kế hoạch, các Bộ, cơ quan có ngành nghề kinh doanh có điều kiện phải xây dựng, sửa đổi, bổ sung đề trình cấp có thẩm quyền ban hành 70 VBQPPL (19 Luật; 51 Nghị định) để đơn giản, cắt giảm 3.794/6.191 ĐKKD.

Đến nay, các Bộ đã trình ban hành được 22 VBQPPL (01 Luật và 21 Nghị định), đã cắt giảm, đơn giản được 3.004/6.191 ĐKKD (đạt 97% so với chỉ tiêu giao).

Kết quả đạt được cụ thể của từng Bộ: Công Thương: cắt giảm 675/1.216 ĐKKD, vượt 5,5%; Y tế: đơn giản, cắt giảm: 1.343/1.871 ĐKKD, vượt 21,78%; Xây dựng: cắt giảm 183/215 điều kiện kinh doanh, vượt 35,12%; Tài

nguyên và Môi trường: đơn giản, cắt giảm 101/163 ĐKKD, vượt 12%; Giáo dục và Đào tạo: đơn giản, cắt giảm 121/212 ĐKKD, vượt 7.08%; Lao động-Thương binh và Xã hội: đơn giản, cắt giảm 60/112 ĐKKD, vượt 3,57% và 75/85 TTHC; Nông nghiệp và PTNT: đơn giản, cắt giảm 172/ 345 ĐKKD, đạt 50%; Văn hóa, Thể thao và Du lịch: đơn giản, cắt giảm 63/122 ĐKKD, vượt 1,6%; Thông tin và Truyền thông: đơn giản, cắt giảm 26/385 ĐKKD, đạt 13%; Giao thông vận tải: đơn giản, cắt giảm 243/570 ĐKKD, đạt 42,6%; Tư pháp: đơn giản, cắt giảm 07/94 ĐKKD, đạt 7,45%; Ngân hàng Nhà nước: đơn giản, cắt giảm: 27 ĐKKD.

Như vậy, theo kế hoạch, hiện còn 48 VBQPPL (18 Luật, 30 Nghị định) về cắt giảm, đơn giản ĐKKD chưa được ban hành, thuộc trách nhiệm của các Bộ: Giáo dục Đào tạo: 02 Luật; Thông tin và Truyền thông: 04 Nghị định; Y tế: 06 Luật; Nông nghiệp và PTNT: 02 Luật; Giao thông vận tải: 13 Nghị định; Lao động - Thương binh và Xã hội: 04 Nghị định; Khoa học và Công nghệ: 01 Nghị định; Văn hóa Thể thao và Du lịch: 01 Luật; Công an: 01 Nghị định; Tư pháp: 01 Luật; Tài nguyên và Môi trường: 01 Nghị định; Tài chính: 06 Luật và 03 Nghị định; Quốc phòng: 01 Nghị định; Ngân hàng nhà nước: 01 Nghị định.

Đối với việc sửa đổi, bổ sung các Luật: Đã được đưa vào chương trình xây dựng Luật năm 2019; đối với các Nghị định, hiện các Bộ đã hoàn thiện dự thảo, đang trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành, trừ một số Nghị định mang tính đặc thù thuộc trách nhiệm của một số Bộ: Công an, Quốc phòng xin được trình vào quý I năm 2019.

Qua kết quả nêu trên cho thấy, việc thực hiện nhiệm vụ giao của các Bộ, ngành về cải cách hoạt động KTCN và đơn giản hóa, cắt giảm ĐKKD đã có chuyển biến rất tích cực so với tháng trước. Việc đơn giản, cắt giảm danh mục hàng hóa KTCN đạt 136,5%, vượt 36,5% so với chỉ tiêu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao và vượt 13% so với kế hoạch của các Bộ; việc đơn giản, cắt giảm ĐKKD đạt 97%, tăng 1.871 ĐKKD - tăng 60,4% so tháng trước.

Tuy nhiên, qua rà soát cho thấy, hoạt động KTCN và đơn giản, cắt giảm ĐKKD vẫn còn một số tồn tại, như:

- Chưa đẩy mạnh việc kết nối thông tin kết quả kiểm tra giữa các cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành, do đó chưa áp dụng rộng rãi phương pháp quản lý rủi ro, công nhận kết quả kiểm tra trong việc phân tích đánh giá thông tin về doanh nghiệp, dẫn đến kiểm tra còn trùng lặp, cùng một mặt hàng, hãng sản xuất nhưng lần nào doanh nghiệp cũng bị kiểm tra với tỷ lệ phát hiện hàng hóa không đạt chất lượng rất thấp (chiếm khoảng 0,06% trên tổng số lô hàng kiểm tra).

- Một số Bộ đã ban hành văn bản bãi bỏ danh mục hoặc chuyển thời điểm kiểm tra mặt hàng thuộc quản lý từ giai đoạn kiểm tra trước thông quan sang giai đoạn sau thông quan song vẫn quy định doanh nghiệp phải nộp chứng từ cho cơ quan hải quan để thông quan hàng hóa.

- Số lượng thủ tục triển khai trên Cơ chế một cửa quốc gia còn thấp (đạt 53/283 thủ tục so với yêu cầu tại Quyết định số 2185/2016/QĐ-TTg).

- Việc xây dựng, trình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về đơn giản, cắt giảm ĐKKD còn chậm, không bảo đảm tiến độ theo yêu cầu chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

3. Kết quả kiểm tra tại Bảo hiểm xã hội Việt Nam

Với sự chỉ đạo, điều hành chủ động, quyết liệt của tập thể lãnh đạo, cùng với sự cố gắng, đoàn kết, cộng đồng trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc, Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã thực hiện tốt chính sách BHXH, góp phần quan trọng bảo đảm an sinh xã hội, được thể hiện qua kết quả cụ thể trên các mặt công tác, như: Số người tham gia BHXH, BHYT, BHTN ngày càng tăng (9 tháng đầu năm 2018: Số người tham gia BHXH đạt 14,34 triệu người, tăng 7,3% (tăng 0,97 triệu người) so với cùng kỳ năm 2017; số người tham gia BHYT đạt 82,05 triệu người, với tỷ lệ bao phủ 87,4% dân số, tăng 3,8% (tăng 2,98 triệu người) so với cùng kỳ năm 2017; BHTN đạt 12,04 triệu người, tăng 6,3% (tăng 0,72 triệu người) so với cùng kỳ năm 2017); làm tốt công tác thanh tra chuyên ngành đối với các đơn vị nợ đọng BHXH, truy thu về quỹ hàng trăm tỷ đồng, tỷ lệ nợ BHXH đã giảm xuống, chỉ còn 2,9% - mức thấp nhất từ trước đến nay; từng bước kiểm soát được mức chi phí khám chữa bệnh (KCB) BHYT bất hợp lý; thực hiện chính sách BHYT có nhiều chuyển biến, kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm, lạm dụng trực lợi quỹ BHYT (năm 2017, đã điều chỉnh giảm các khoản chi chưa thực sự cần thiết khoảng 1.800 tỷ đồng; giám định tự động qua phần mềm và giám định chủ động của BHXH giảm chi trên 3.000 tỷ đồng, tăng 4 lần so với năm trước); là đơn vị tiên phong, đi đầu trong cải cách hành chính và ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong hoạt động nghiệp vụ, tạo ra sự minh bạch trong quản lý, điều hành (giảm 235/263 TTHC so với năm 2011, hiện chỉ còn 18 thủ tục; thực hiện giao dịch điện tử trên tất cả các lĩnh vực: thu, cấp sổ BHXH, thẻ BHYT, giám định và thanh toán chi phí khám chữa bệnh...; 19 dịch vụ công trực tuyến đạt mức độ 3 và 4); nghiêm túc trong thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao (từ ngày 01/01/2017 đến 30/9/2018, có 83 nhiệm vụ giao BHXH Việt Nam. Trong đó: 57 nhiệm vụ đã hoàn thành; 26 nhiệm vụ đang triển khai trong hạn; không có có nhiệm vụ quá hạn nợ đọng).

Bên cạnh kết quả nêu trên, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu BHXH Việt Nam cần tiếp tục quan tâm chỉ đạo để đạt kết quả tốt hơn trong một số mặt công tác, như: phát triển đối tượng tham gia BHXH; khắc phục tình trạng lạm dụng quỹ BHXH, quỹ BHYT, nợ đọng BHXH...; đồng thời, tăng cường cải cách thủ tục hành chính; đổi mới, nâng cao hơn nữa tinh thần, thái độ và phong cách phục vụ; thời gian giải quyết công việc nhanh hơn để người dân và doanh nghiệp ngày càng hài lòng với cơ quan BHXH.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Tổ công tác kính đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo:

1. Các Bộ, cơ quan:

- Tập trung, gấp rút hoàn thành các dự thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, pháp lệnh còn nợ đọng trình Chính phủ ký ban hành hoặc ban

hành theo thẩm quyền. Đồng thời, đẩy nhanh tiến độ soạn thảo, trình ban hành và ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định chi tiết để bảo đảm có hiệu lực thi hành đồng thời với các Luật, pháp lệnh có hiệu lực từ ngày 01/01/2019, không để phát sinh nợ đọng mới.

- Tích cực thực hiện các nhiệm vụ được giao; quan tâm việc xây dựng và trình các đề án theo chương trình công tác, bảo đảm tiến độ và chất lượng.

2. Bộ Tư pháp: Phối hợp chặt chẽ với VPCP để theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết; kịp thời tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các giải pháp để tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ soạn thảo, trình ban hành các văn bản.

3. Các Bộ quản lý chuyên ngành và có ĐKKD

- Trên cơ sở kết quả đã đạt được về đơn giản, cắt giảm thủ tục, danh mục hàng hóa KTCN ĐKKD của bộ, ngành mình, các bộ, ngành tính toán lợi ích kinh tế (cụ thể bằng số ngày công và số tiền) do kết quả cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục, danh mục hàng hóa KTCN và ĐKKD mang lại cho doanh nghiệp, xã hội và các tác động tích cực đến hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, gửi báo cáo kết quả về Văn phòng Chính phủ trước ngày 15 tháng 11 năm 2018 và đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của bộ, ngành; Văn phòng Chính phủ chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 11 năm 2018.

- Tập trung cao độ cho việc xây dựng, hoàn thiện trình ban hành và ban hành theo thẩm quyền các VBQPPL để cải cách hoạt động KTCN và đơn giản, cắt giảm ĐKKD nhằm tạo điều kiện thuận lợi, giảm tối đa chi phí cho người dân, doanh nghiệp và xã hội theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 20/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục đẩy mạnh kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành nhằm khắc phục triệt để tình trạng kiểm tra trùng lặp, gây tốn kém thời gian, chi phí cho doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện các thủ tục KTCN trên Cơ chế một cửa quốc gia theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 2185/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan khẩn trương xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định xử lý nợ BHXH, BHYT tồn đọng, kéo dài (không có khả năng thu hồi) của doanh nghiệp đã ngừng hoạt động, giải thể, phá sản hoặc chủ bỏ trốn và Nghị định quy định về BHXH bắt buộc đối với người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

5. Bộ Y tế

- Khẩn trương nghiên cứu, ban hành Thông tư quy định về phân hạng, phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với các cơ sở y tế tư nhân, cơ chế tự chủ tài chính trong các đơn vị sự nghiệp y tế công lập, cơ chế xã hội hóa y tế để có cơ sở pháp lý trong việc thực hiện KCB và thanh toán các chi phí KCB BHYT.

- Khẩn trương ban hành đầy đủ các quy trình kỹ thuật, phác đồ điều trị nhằm quản lý tốt công tác KCB, kiểm soát việc chỉ định các dịch vụ y tế quá mức cần thiết, làm gia tăng chi phí KCB BHYT bất hợp lý.

- Khẩn trương xây dựng gói dịch vụ y tế cơ bản đối với cơ sở y tế tuyến huyện, tỉnh, trung ương theo quy định của Luật BHYT để bảo đảm việc chỉ định, sử dụng các dịch vụ y tế và thanh toán chi phí KCB BHYT hợp lý, bảo đảm quyền lợi người tham gia BHYT và bảo đảm khả năng chi trả của quỹ BHYT.

6. Bộ Nội vụ: Khẩn trương xem xét, phê duyệt định biên, biên chế của ngành BHXHVN theo vị trí việc làm để BHXHVN đảm bảo nguồn nhân lực hoàn thành các nhiệm vụ chính trị được giao, đặc biệt là việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BHXH, BHYT giai đoạn 2012 - 2020 và Nghị quyết số 28-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách BHXH.

7. Bộ Thông tin và Truyền thông:

- Khẩn trương hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 102/2009/NĐ-CP và Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg để kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong đầu tư công nghệ thông tin và thúc đẩy triển khai Chính phủ điện tử theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 232/TB-VPCP ngày 28 tháng 6 năm 2018.

- Khẩn trương ban hành các quy định cụ thể về giải pháp kỹ thuật và yêu cầu kết nối, làm “đầu mối” để kết nối 6 Bộ, ngành đang được giao xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia theo Quyết định 714/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia cần ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử.

8. Bảo hiểm xã hội Việt Nam

- Có giải pháp căn cơ, hiệu quả để giải quyết triệt để tình trạng nợ đọng BHXH; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về BHXH, BHYT, nhất là tại các đơn vị nợ đọng BHXH, BHYT; kịp thời phát hiện, xử lý và kiến nghị các cơ quan liên quan xử lý nghiêm các hành vi trốn đóng, nợ đóng và gian lận, trục lợi BHXH, BHYT, bảo đảm tính rắn đẽ và phòng ngừa.

- Tiếp tục tăng cường giám sát, kiểm soát chặt chẽ chi phí KCB BHYT; kịp thời phát hiện các gia tăng bất thường trong chi phí KCB BHYT để có biện pháp chấn chỉnh, can thiệp và kiên quyết từ chối thanh toán đối với các trường hợp có chi phí bất hợp lý, không đúng thủ tục KCB BHYT theo quy định.

- Khẩn trương xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “Đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo hướng nâng cao chất lượng, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” theo hướng tinh gọn, hiệu quả, chuyên nghiệp, hiện đại theo đúng tinh thần Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Ban chấp hành Trung ương về cải cách chính sách BHXH.

- Tập trung chỉ đạo quyết liệt và giải pháp hiệu quả trong việc đẩy mạnh phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHYT; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn về cách thức, thủ tục tham gia BHXH, BHYT, nhất là cho các đối

tượng tham gia BHXH, người tham gia BHYT hộ gia đình, nhóm đối tượng và địa phương có tỷ lệ tham gia thấp. Đồng thời, kịp thời giải quyết đầy đủ, kịp thời các quyền lợi về BHXH, BHYT cho người tham gia nhằm tạo hiệu ứng tích cực, thúc đẩy người dân tham gia BHXH, BHYT.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, thực hiện dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3 và 4 trên tất cả các lĩnh vực của Bảo hiểm xã hội theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 846/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; từng bước thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết chế độ, chính sách và thực hiện công khai các thủ tục hành chính với người dân, cơ quan, đơn vị.

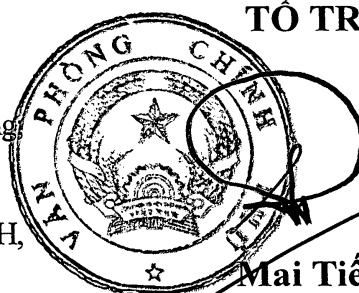
- Khẩn trương hoàn thiện dự thảo Quyết định về cấp, quản lý và sử dụng thẻ bảo hiểm y tế điện tử, trình Thủ tướng Chính phủ nhằm góp phần ngăn chặn tình trạng gian lận, trục lợi chính sách BHYT.

- Chủ động phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan xử lý dứt điểm vấn đề nợ đọng BHXH, BHYT kéo dài của các doanh nghiệp phá sản, giải thể, chủ bỏ trốn.

Trên cơ sở ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10 năm 2018, Tổ công tác đề nghị các Bộ, cơ quan, địa phương căn cứ vào nội dung của Báo cáo này, triển khai thực hiện các nội dung có liên quan đến Bộ, cơ quan, địa phương mình và báo cáo Tổ công tác kết quả thực hiện trước ngày 25 tháng 11 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Các thành viên Tổ công tác;
- VPCP: Các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, đơn vị: TH, TKBT, CN, KTTH, NN, PL, ĐMDN, V.I, KGVX, KSTTHC, Công thông tin điện tử CP;
- Lưu: VT, TCTTTg (3b).L 104



TỔ TRƯỞNG

Mai Tiến Dũng
BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM VPCP



Phụ lục I

Kết quả thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, cơ quan, địa phương

(Ban hành kèm theo Báo cáo số...434.../BC-TCTTTg ngày...06...tháng 11 năm 2018)

STT	Cơ quan được giao	Tổng số văn bản giao nhiệm vụ	Tổng số nhiệm vụ giao	Đã hoàn thành		Chưa hoàn thành	
				Đúng hạn	Quá hạn	Trong hạn	Quá hạn
1	Bộ Công an	148	267	126	37	92	12
2	Bộ Quốc phòng	113	219	48	27	128	16
3	Văn phòng Chính phủ	55	124	118	3	3	0
4	Bộ Ngoại giao	64	154	24	0	127	3
5	Bộ Nội vụ	145	301	93	66	141	1
6	Bộ Tư pháp	93	199	174	0	24	1
7	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	478	814	206	331	268	9
8	Bộ Tài chính	443	639	149	222	260	8
9	Bộ Công Thương	327	514	234	38	242	0
10	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	224	392	293	33	62	4
11	Bộ Giao thông vận tải	342	528	279	92	156	1
12	Bộ Xây dựng	223	331	170	58	103	0
13	Bộ Tài nguyên và Môi trường	313	466	317	43	103	3
14	Bộ Thông tin và Truyền thông	120	252	89	11	152	0
15	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	149	266	109	12	145	0
16	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	106	207	134	4	67	2
17	Bộ Khoa học và Công nghệ	130	239	49	24	166	0
18	Bộ Giáo dục và Đào tạo	135	253	69	18	166	0
19	Bộ Y tế	123	239	38	43	150	8
20	Ủy ban Dân tộc	75	158	36	5	115	2
21	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	114	211	173	2	36	0
22	Thanh tra Chính phủ	133	221	33	42	139	7
23	Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	1	1	0	0	1	0
24	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	13	21	2	7	12	0
25	Đài Tiếng nói Việt Nam	6	6	0	0	5	1
26	Đài Truyền hình Việt Nam	8	8	0	0	6	2
27	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	3	3	0	0	3	0
28	Thông tấn xã Việt Nam	2	2	0	0	1	1
29	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	3	3	2	0	1	0

30	UBND Thành phố Hà Nội	125	210	3	35	165	7
31	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	132	218	78	22	103	15
32	UBND Thành phố Hải Phòng	82	163	106	0	57	0
33	UBND Thành phố Đà Nẵng	77	162	0	0	144	18
34	UBND Thành phố Cần Thơ	74	169	99	2	68	0
35	UBND Cao Bằng	71	157	71	3	83	0
36	UBND Lạng Sơn	70	156	85	10	60	1
37	UBND Lai Châu	72	157	18	3	136	0
38	UBND Điện Biên	71	156	131	8	17	0
39	UBND Hà Giang	73	158	34	11	113	0
40	UBND Sơn La	73	159	13	3	141	2
41	UBND Tuyên Quang	71	127	105	1	21	0
42	UBND Yên Bái	70	154	126	3	24	1
43	UBND Lào Cai	68	153	28	7	116	2
44	UBND Bắc Kạn	75	160	31	8	117	4
45	UBND Thái Nguyên	73	157	129	1	27	0
46	UBND Phú Thọ	69	154	92	1	59	2
47	UBND Vĩnh Phúc	70	151	62	2	76	11
48	UBND Bắc Giang	79	164	52	2	108	2
49	UBND Bắc Ninh	78	159	105	4	50	0
50	UBND Hòa Bình	77	164	20	3	141	0
51	UBND Quảng Ninh	78	163	148	4	11	0
52	UBND Hải Dương	74	156	5	6	136	9
53	UBND Hưng Yên	65	146	70	6	70	0
54	UBND Thái Bình	75	161	152	0	9	0
55	UBND Hà Nam	73	158	17	3	136	2
56	UBND Nam Định	78	164	17	3	144	0
57	UBND Ninh Bình	78	163	15	10	138	0
58	UBND Thanh Hóa	79	164	33	0	131	0
59	UBND Nghệ An	75	160	1	2	143	14
60	UBND Hà Tĩnh	75	160	17	1	142	0
61	UBND Quảng Bình	77	162	118	0	41	3
62	UBND Quảng Trị	77	164	27	8	128	1
63	UBND Thừa Thiên Huế	79	165	117	2	45	1
64	UBND Quảng Nam	76	163	138	12	13	0
65	UBND Quảng Ngãi	73	160	115	1	44	0
66	UBND Bình Định	74	159	150	1	8	0
67	UBND Phú Yên	82	174	111	3	60	0
68	UBND Khánh Hòa	77	162	44	2	115	1

69	UBND Ninh Thuận	74	160	96	4	60	0
70	UBND Bình Thuận	88	176	90	0	85	1
71	UBND Gia Lai	77	162	26	5	131	0
72	UBND Kon Tum	72	158	70	2	83	3
73	UBND Đắk Lắk	78	164	54	7	103	0
74	UBND Đắk Nông	73	158	12	4	142	0
75	UBND Lâm Đồng	78	163	120	3	37	3
76	UBND Đồng Nai	87	168	4	10	143	11
77	UBND Bà Rịa - Vũng Tàu	76	157	100	10	42	5
78	UBND Long An	77	174	75	3	95	1
79	UBND Tây Ninh	71	152	33	8	109	2
80	UBND Bình Dương	74	155	141	0	14	0
81	UBND Bình Phước	71	152	0	0	135	17
82	UBND Tiền Giang	72	166	114	5	44	3
83	UBND Bến Tre	70	156	128	4	24	0
84	UBND Hậu Giang	70	155	12	8	133	2
85	UBND Sóc Trăng	72	166	75	3	87	1
86	UBND Đồng Tháp	72	167	89	0	78	0
87	UBND Vĩnh Long	65	150	143	2	5	0
88	UBND Trà Vinh	76	171	159	2	10	0
89	UBND An Giang	78	177	52	0	124	1
90	UBND Kiên Giang	80	175	52	13	106	4
91	UBND Bạc Liêu	70	166	27	9	125	5
92	UBND Cà Mau	75	162	50	6	106	0
93	Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam	1	1	0	0	0	1
94	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	1	1	0	1	0	0
95	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	1	1	0	0	0	1
96	Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam	1	1	0	0	0	1
97	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	2	2	0	0	0	2
98	Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	13	13	0	0	10	3
99	Tập đoàn Dệt - May Việt Nam	1	1	0	0	0	1
100	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	18	24	0	0	20	4
101	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	2	2	0	0	1	1
102	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	3	3	0	0	0	3
103	Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	1	1	0	0	1	0
104	Tổng công ty Xi măng Việt Nam	1	1	0	0	0	1
105	Tập đoàn Phát triển nhà và đô thị Việt Nam	1	1	0	0	0	1
106	Tập đoàn Công nghiệp Xây dựng Việt Nam	1	1	0	0	0	1
107	Ngân hàng Chính sách xã hội	6	6	0	0	5	1

108	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	5	7	1	1	5	0
109	Liên minh Hợp tác xã Việt Nam	5	8	0	0	8	0
110	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	5	5	0	0	4	1
111	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	5	6	0	0	6	0
112	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	1	1	0	0	1	0
113	Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	5	5	0	0	5	0
114	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	3	3	0	0	3	0
115	Trung ương Hội Nông dân Việt Nam	4	4	0	0	4	0
116	Tòa án nhân dân tối cao	6	6	0	0	4	2
117	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	4	5	0	0	5	0
118	Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia	10	13	0	0	10	3
119	Hội Chữ thập đỏ Việt Nam	1	3	0	0	3	0
120	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	2	2	0	0	2	0
121	Đại học Quốc gia Hà Nội	2	2	0	0	2	0
122	Kiểm toán Nhà nước	1	1	0	0	1	0
123	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt nam	1	3	0	0	3	0
124	Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương	2	2	0	0	1	1
125	Ban Chỉ đạo Đổi mới và PTĐN	1	1	0	0	1	0
126	Tổng hội Y học Việt Nam	2	3	0	0	2	1
127	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN	1	3	0	0	3	0
128	Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam	2	4	0	0	4	0
129	Ủy ban Kinh tế của Quốc hội	1	1	0	0	1	0
130	Ủy ban Khoa học - Công nghệ và Môi trường của QH	1	1	0	0	1	0
131	Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn	1	1	0	0	1	0
132	Hội đồng Dân tộc của Quốc hội	1	1	0	0	1	0
133	Hiệp hội Mía đường Việt Nam	1	1	0	0	1	0
	Tổng số		17411	7371	1421	8354	265

Kết quả: Từ 01/01/2018 - 31/10/2018)

Thời điểm xuất báo cáo 01/11/2018 17:51:58



Phụ lục II

Tổng hợp tình hình thực hiện chương trình công tác 10 tháng năm 2018 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 434/BC-TCTTTg ngày 06 tháng 11 năm 2018)

Stt	Bộ, cơ quan	Số đề án phải trình trong 10 tháng				Tổng số đề án đã trình thuộc CTCT 2018	Số đề án đã ban hành thuộc CTCT 2018	Số đề án chưa trình	Tỷ lệ đề án đã trình
		Số đề án theo đăng ký đầu năm	Số đề án giao thêm	Số đề án xin chuyển, xin rút	Tổng số				
1	Bộ Công an	13	8	3	18	9	5	9	50.00%
2	Bộ Công Thương	11	2	3	10	6	3	4	60.00%
3	Bộ Giáo dục và Đào tạo	7	0	1	6	4	1	2	66.67%
4	Bộ Giao thông vận tải	3	0	0	3	3	3	0	100.00%
5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	36	6	2	40	36	17	4	90.00%
6	Bộ Khoa học và Công nghệ	6	0	1	5	3	1	2	60.00%
7	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	9	4	0	13	9	3	4	69.23%
8	Bộ Ngoại giao	20	0	1	19	15	11	4	78.95%
9	Bộ Nội vụ	21	6	0	27	17	12	10	62.96%
10	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	14	0	0	14	13	7	1	92.86%
11	Bộ Quốc phòng	8	8	3	13	3	1	10	23.08%
12	Bộ Tài chính	28	2	1	29	23	15	6	79.31%
13	Bộ Tài nguyên và Môi trường	34	0	6	28	18	8	10	64.29%
14	Bộ Thông tin và Truyền thông	4	4	0	8	5	0	3	62.50%
15	Bộ Tư pháp	7	4	0	11	9	7	2	81.82%
16	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	14	2	2	14	10	3	4	71.43%

17	Bộ Xây dựng	7	0	3	4	4	2	0	100.00%
18	Bộ Y tế	10	0	1	9	6	1	3	66.67%
19	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	3	0	0	3	3	2	0	100.00%
20	Thanh tra Chính phủ	4	1	1	4	2	0	2	50.00%
21	Ủy ban Dân tộc	1	1	0	2	2	2	0	100.00%
22	Đài Tiếng nói Việt Nam	2	0	0	2	1	0	1	50.00%
	Tổng cộng	264	57	28	293	206	109	87	70.31%



Phụ lục III

Danh mục nợ động các văn bản quy định chi tiết thi hành các Luật đã có hiệu lực

(Kèm theo Báo cáo số 434 /BC - TCTTTg ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Tổ công tác)

I. CÁC NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ, QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CÒN NỢ (5 VĂN BẢN)

TT	Tên luật	Ngày có hiệu lực	Tên văn bản quy định chi tiết thi hành luật	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Tình hình xử lý
1	Luật Du lịch (sửa đổi)	01/01/2018	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch (Khoản 1 Điều 70)	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	- Ngày 23/10/2018 Bộ đã có Báo cáo. Tuy nhiên còn chưa có ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính. VPCP đang chờ ý kiến của các cơ quan. - Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ yêu cầu Bộ VH,TT&DL tiếp thu ý kiến chỉ đạo hoàn thiện trình Thủ tướng trước ngày 30/6/2018. Chưa trình lại. - Bộ VH,TT&DL có tờ trình số 74/TTr-BVHTTDL ngày 04/4/2018 trình Thủ tướng CP. - Ngày 15/5/2018 Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ chủ trì họp cho ý kiến về dự thảo QĐ; nếu được thì ban hành trong tháng 6/2018. Trong quá trình xây dựng dự thảo Quyết định, còn có ý kiến khác nhau giữa các Bộ trong quy định về mô hình tổ chức và hoạt động của Quỹ và nguồn hình thành Quỹ. - Về mô hình tổ chức và hoạt động: Để Quỹ có thể được hoạt động một cách hiệu quả thì cần hoạt động như một đơn vị sự nghiệp công lập. Tuy nhiên, theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập thì trong thời gian này cần hạn chế việc thành lập mới đơn vị sự nghiệp công lập; nếu có thành lập mới thì đơn vị này phải tự chủ về tài chính. Theo đó, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tiếp tục phối hợp với các bộ để điều chỉnh lại mô hình của Quỹ theo hướng: Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, gồm có Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Tư vấn hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm và Cơ quan điều hành Quỹ là đơn vị thuộc Tổng cục Du lịch. Bảo đảm không phát sinh

					thêm biên chế, phù hợp với Nghị quyết số 19-NQ/TW. - Về cách thức bố trí, quản lý nguồn kinh phí của Quỹ: Trong quá trình xây dựng dự thảo QĐ do có ý kiến khác nhau về mức kinh phí ngân sách nhà nước cấp bổ sung hàng năm ngoài mức vốn điều lệ, nên quá trình trao đổi, tiếp thu, giải trình làm chậm tiến độ soạn thảo.
2	Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	01/01/2018	Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (Khoản 3 Điều 20)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	- Ngày 24/10/2018 PTTg VDH đã chỉ đạo Bộ tiếp thu ý kiến của các Bộ, cơ quan liên quan, lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp về dự thảo Nghị định. - Bộ KHĐT đang hoàn thiện theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng tại cuộc họp ngày 7/8/2018. Chưa trình lại - Bộ KHĐT trình tại Tờ trình số 4263/TTr-BKHĐT ngày 22/6/2018 (VPCP nhận ngày 26/6/2018). Tuy nhiên, thiếu văn bản tham gia ý kiến của các Bộ, cơ quan liên quan. Hiện Bộ đã bổ sung hồ sơ - Ngày 9/5/2018 Bộ Tư pháp đã thẩm định. Điều 20 Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) quy định Quỹ phát triển DNNVV thực hiện các chức năng: (i) Cho vay, tài trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, DNNVV tham gia cụm liên ngành, chuỗi giá trị; (ii) Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn vay, tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác của các tổ chức, cá nhân để hỗ trợ DNNVV. Theo quy định của Luật, Quỹ phát triển DNNVV thực chất là một quỹ đầu tư mạo hiểm, đối tượng chủ yếu là các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (star up). Đây là một lĩnh vực rất mới, nhạy cảm vì có tính rủi ro cao, ở Việt Nam chưa có kinh nghiệm, trên thế giới cũng đang trong giai đoạn đầu thực hiện, có thành công và cũng nhiều thất bại. Do đó, việc ban hành các quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển DNNVV đòi hỏi thận trọng, trong đó quan trọng nhất là lựa chọn mô hình Quỹ phù hợp với pháp luật Việt Nam nhưng cần thực hiện được hiệu quả chức năng hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; quy định cụ thể quy trình xét duyệt, cơ chế tuyển chọn với từng loại dự án khởi nghiệp... Bộ KHĐT đã tham khảo kinh nghiệm quốc tế và có đề xuất với Chính phủ về mô hình Quỹ, các chức năng, nhiệm vụ của Quỹ, tuy nhiên các đề xuất này chưa phù hợp với tính chất hoạt động của Quỹ, đi quá xa phạm vi Luật cho phép, đề xuất nhiều nội dung không phù hợp với khả

					năng của Quỹ hiện có,... vì vậy tại cuộc họp ngày 14/3/2017, PTTg Vương Đình Huệ đã yêu cầu trả lại hồ sơ để Bộ KHĐT nghiên cứu và làm lại từ đầu để đảm bảo đúng quy định của Luật.
3	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	01/01/2018	Nghị định quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô công (Điểm b Khoản 1 Điều 26)	Bộ Tài chính	- Đang trình Thủ tướng ký ban hành - Bộ Tài chính đang tiếp thu kết luận của Thủ tướng tại cuộc họp Thường trực Chính phủ ngày 7/9/2018. - TTgCP đồng ý họp Thường trực Chính phủ vào thứ 6 ngày 07/9/2018. - VPCP đang xử lý. - Bộ Tài chính đang tiếp thu ý kiến của Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng về dự thảo Nghị định. - VPCP đang xử lý - Ngày 28/5/2018 VPCP nhận được Báo cáo của Bộ Tài chính số 6003/BTC-QLCS 23/5/2018 về việc tiếp thu, giải trình ý kiến của UBNDTVQH, TVCP về dự thảo nghị định. Trình chậm vì lý do khách quan: - Tờ trình Chính phủ số 144/TTr-BTC ngày 4/10/2017 về dự thảo Nghị định Dự thảo Nghị định đã được gửi xin ý kiến thành viên Chính phủ. Tuy nhiên, do nội dung dự thảo Nghị định hiện có một số điều quy định mới so với các quy định hiện hành (Quyết định 32/2015/QĐ-TTg về tiêu chuẩn, định mức và sử dụng xe ô tô công). Trong đó có quy định bắt buộc khoán kinh phí đưa đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại đối với các chức danh quy định tại khoản 1 Điều 7 dự thảo ND¹. Đây là nội

¹ Điều 7. Chức danh có tiêu chuẩn khoán kinh phí đưa đón từ nơi ở đến cơ quan, được bố trí xe ô tô phục vụ công tác chung khi đi công tác

1. Chức danh được sử dụng:

- Phó Trưởng ban của Đảng ở Trung ương, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Phó Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Phó Tổng Kiểm toán nhà nước; Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục thuộc Bộ, cơ quan trung ương, Phó các đoàn thể Trung ương, Bí thư Thường trực Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 trở lên;
- Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Phó trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh;

					dung mới và phạm vi áp dụng khá rộng, bao gồm cả Trưởng Đoàn và Phó trưởng Đoàn đại biểu QH chuyên trách, nên hiện còn nhiều ý kiến khác nhau. Chính phủ đề nghị đưa nội dung này xin ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước khi trình Chính phủ xem xét, ban hành.
4			Nghị định quy định trình tự, thủ tục sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng các công trình theo hình thức hợp đồng BT (Khoản 3 Điều 13)	Bộ Tài chính	- Nghị quyết Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8/2018 giao: Bộ Tài chính rà soát, nghiên cứu kỹ các quy định của pháp luật có liên quan, phối hợp chặt chẽ với các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp và Kiểm toán Nhà nước để hoàn thiện dự thảo Nghị định, bảo đảm nguyên tắc đấu thầu hoặc đấu giá công khai, minh bạch; sử dụng giá trị quyền sử dụng đất để thanh toán cho các dự án áp dụng hình thức hợp đồng BT theo quy định của Luật Đất đai, trong đó việc xác định giá trị đất phải thông qua Hội đồng thẩm định. Trong thời gian Nghị định này chưa được ban hành và chưa có hiệu lực thi hành, giao Bộ Tài chính khẩn trương nghiên cứu, báo cáo Thủ tướng Chính phủ giải pháp xử lý khoảng trống pháp lý kể từ ngày Luật quản lý, sử dụng tài sản công có hiệu lực để không làm ảnh hưởng đến các dự án đang triển khai, đặc biệt là các dự án BT đã ký kết hợp đồng. - Đầu năm 2018 Bộ Tài chính đã trình, VPCP đã hoàn tất các thủ tục để trình Thủ tướng ký ban hành. Tuy nhiên, Thủ tướng chỉ đạo đưa ra Phiên họp Chính phủ để cho ý kiến.
5	Luật tín ngưỡng tôn giáo	01/01/2018	Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo	Bộ Nội vụ	- Bộ đang tiếp thu ý kiến chỉ đạo của PTTg để báo cáo Ban Bí thư về một số nội dung - PTTg THB chỉ đạo BNV giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý và hoàn thiện hồ sơ trình trước ngày 15/9/2018. Bộ chưa trình.

d) Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc các Tập đoàn kinh tế nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập (sau đây gọi là Tập đoàn kinh tế).

2. Việc bảo đảm xe ô tô phục vụ công tác cho các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đưa đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại theo quy định tại Điều 22 Nghị định này;

b) Bố trí xe phục vụ công tác chung khi đi công tác theo quy định tại khoản 2 Điều 9, khoản 2 Điều 10, khoản 2 Điều 12 và khoản 2 Điều 14 Nghị định này; trường hợp các chức danh tự nguyện nhận khoán kinh phí sử dụng xe thì thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định này; trường hợp cơ quan áp dụng hình thức thuê dịch vụ xe ô tô thì thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định này.

			(khoản 2 Điều 64)	- Bộ Nội vụ Công văn 164/BC-TGCP ngày 5/12/2017 kiến nghị và Thủ tướng đã đồng ý lùi thời hạn trình sang tháng 10/2018. Trình chậm vì lý do khách quan. Luật tín ngưỡng, tôn giáo có hiệu lực vào ngày 01/1/2018 và Chính phủ đã ban hành Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật này. Luật tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định hướng dẫn chi tiết có nhiều điểm mới, đồng thời đây là lần đầu tiên Nhà nước có quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực tôn giáo. Do vậy, cần có thời gian đánh giá việc áp dụng các quy định của Luật và Nghị định quy định chi tiết trước khi ban hành quy định xử phạt, để cân nhắc, lựa chọn thận trọng các hành vi vi phạm và hình thức xử phạt, tránh 2 xu hướng: phạt tràn lan gây bức xúc hoặc có quy định nhưng không phạt được, không đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Đồng thời, tại cuộc gặp của đồng chí Trương Thị Mai – UVBCT - Trưởng ban Dân vận Trung ương với các chức sắc tôn giáo là đại biểu quốc hội (được đưa tin trên chương trình thời sự VTV 1), có phản ánh kiến nghị của các đại biểu quốc hội và đồng chí Trương Thị Mai có kiến nghị lùi Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.
--	--	--	-------------------	--

II. CÁC THÔNG TƯ CỦA BỘ TRƯỞNG (3 thông tư)

TT	TÊN LUẬT, PHÁP LỆNH	NGÀY CÓ HIỆU LỰC	CHỦ TRÌ SOẠN THẢO VB QĐCT	TÊN VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH	TÌNH TRẠNG HIỆN NAY
1.	Pháp lệnh quản lý thị trường (Thông qua tại Phiên họp thứ 46 UBTVQH khóa XIII)	01/9/2016	BCT	1. Thông tư quy định chi tiết về tiêu chuẩn chức danh và đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm đối với công chức Quản lý thị trường	Đã hoàn thành dự thảo. Tuy nhiên, nội dung phụ thuộc vào mô hình tổ chức của lực lượng Quản lý thị trường trong Đề án tổ chức của Bộ Công thương và Nghị định thay thế nghị định số 95/2012/NĐ-CP. Sau khi có quy định về tổ chức của lực lượng Quản lý thị trường, Bộ Công Thương sẽ ban hành thông tư.
2.	Luật Đường sắt (sửa đổi) (Thông qua tại Kỳ họp thứ 3 QH14)	01/7/2018	BCA	2. Thông tư quy định về trình tự, nội dung kiểm tra, kiểm soát xử lý vi phạm và điều tra xác minh, giải quyết tai nạn giao thông đường sắt	Đang soạn thảo - Thời hạn trình là tháng 4/2018
3.	Luật Cảnh vệ (Thông qua tại Kỳ họp thứ 3 QH14)	01/7/2018	BCA	3. Thông tư quy định về tiêu chuẩn, định mức trang bị cho Bộ Tư lệnh Cảnh vệ	Đang soạn thảo - Thời hạn trình là tháng 5/2018



Phụ lục IV

Danh mục các văn bản quy định chi tiết thi hành các Luật có hiệu lực từ ngày 01/01/2019

(Kèm theo Báo cáo số 434 /BC - TCTTTg ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Tổ công tác)

I. CÁC NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ, QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ (24 VĂN BẢN)

Tên luật	Ngày có hiệu lực	Tên văn bản quy định chi tiết thi hành luật	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Trạng thái
Luật An ninh mạng	01/01/2019	Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều trong Luật An ninh mạng (khoản 4 Điều 10; khoản 5 Điều 12; khoản 1 Điều 23; khoản 7 Điều 24; khoản 4 Điều 26; khoản 5 Điều 36)	Bộ Công an	Chưa trình
		Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia (khoản 3 Điều 10; khoản 3 Điều 43)	Bộ Công an	Chưa trình
		Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục áp dụng một số biện pháp bảo vệ an ninh mạng (khoản 2 Điều 5)	Bộ Công an	Chưa trình
Luật Lâm nghiệp	01/01/2019	Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (khoản 5 Điều 5; khoản 4 Điều 23; khoản 7 Điều 39; khoản 5 Điều 63; khoản 2 Điều 69; điểm e khoản 1 Điều 72; khoản 4 Điều 94; khoản 6 Điều 95; khoản 2 Điều 13; điểm d khoản 2 Điều 13)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chưa trình
		Nghị định quy định về Kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng (khoản 4 Điều 41; khoản 3 Điều 104; khoản 4 Điều 105; khoản 3 Điều 106)	Bộ Nông nghiệp và PTNT	Đang xin ý kiến thành viên CP
		Nghị định quy định về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (khoản 2 Điều 38; khoản 2 Điều 49)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chưa trình lại

Luật Quy hoạch	01/01/2019	Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch (khoản 3 Điều 15, khoản 2 Điều 17, khoản 5 Điều 19, khoản 3 Điều 22, khoản 3 Điều 23, khoản 3 Điều 24, khoản 7 Điều 25, khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 27, khoản 4 Điều 30, khoản 3 Điều 40).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Đã chuyển lại bộ để tiếp thu, chỉnh lý. Đã lấy ý kiến TVCP.
Luật Quốc phòng (sửa đổi)	01/01/2019	Nghị định về kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng (khoản 3 Điều 15)	Bộ Quốc phòng	Chưa trình
		Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quốc phòng về tình trạng khẩn cấp, thiết quân luật, giới nghiêm (khoản 3 Điều 18; khoản 10 Điều 21; khoản 6 Điều 22)	Bộ Quốc phòng	Chưa trình
		Nghị định về phòng thủ dân sự (khoản 4 Điều 13)	Bộ Quốc phòng	Chưa trình
		Nghị định quy định về tổ chức xây dựng kế hoạch và biện pháp thực hiện động viên quốc phòng (khoản 3 Điều 11)	Bộ Quốc phòng	Chưa trình
		Nghị định về phòng thủ quân khu và khu vực phòng thủ (khoản 3 Điều 8; khoản 4 Điều 9)	Bộ Quốc phòng	Chưa trình
		Nghị định thay thế Nghị định số 77/2010/NĐ-CP ngày 12/7/2010 của Chính phủ về phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Quốc phòng trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và nhiệm vụ quốc phòng	Bộ Công an	Chưa trình
		Nghị định về công tác quốc phòng ở Bộ, ngành trung ương, địa phương (khoản 4 Điều 16)	Bộ Quốc phòng	Chưa trình
Luật Thủy sản	01/01/2019	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (khoản 4 Điều 38)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chưa trình
		Nghị định quy định chi tiết Luật Thủy sản 2017 (khoản 10 Điều 10; điểm b khoản 3 Điều 13; khoản 4 Điều 16; khoản 5 Điều 21; điểm a khoản 2 Điều 23; khoản 5	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông	Đã trình. VPCP đang xử lý

		Điều 25; khoản 5 Điều 27; khoản 4 Điều 28; khoản 2 Điều 32; khoản 5 Điều 34; khoản 6 Điều	thôn	
Luật Tố cáo (sửa đổi)	01/01/2019	Nghị định quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong công an nhân dân (Điều 67)	Bộ Công an	Chưa trình
		Nghị định quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong quân đội nhân dân (Điều 67)	Bộ Quốc phòng	Chưa trình
		Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tố cáo (khoản 5 Điều 33; khoản 5 Điều 38; khoản 4 Điều 40)	Thanh tra Chính phủ	Chưa trình
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao	01/01/2019	Nghị định quy định một số chế độ, chính sách cho vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao (điểm b, c, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 32 (khoản 12 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung); điểm a, đ và e khoản 1 Điều 33 (khoản 13 Điều 1 Luật sửa đ	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Chưa trình
		Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (khoản 1 Điều 50 (khoản 21 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung); khoản 1 Điều 55 Luật Thể dục, thể thao (khoản 24 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ su	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Chưa trình
		Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể thao (khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung)	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Chưa trình
Luật Đo đạc và bản đồ	01/01/2019	Nghị định về hoạt động viễn thám	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Đã trình. VPCP đang xử lý
		Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ (khoản 3 Điều 12; khoản 3 Điều 16; khoản 8 Điều 36; khoản 5 Điều 38; khoản 7 Điều 41; khoản 6 Điều 44; khoản 1 Điều 51; khoản 8 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 52; khoản 9 Điều 53.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Chưa trình

II. CÁC THÔNG TƯ CỦA BỘ TRƯỞNG (20 thông tư)

TT	TÊN LUẬT	NGÀY CÓ HIỆU LỰC	TỔNG SỐ VBQĐCT	CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO	TÊN VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT	TÌNH TRẠNG HIỆN NAY
1.	Luật Quy hoạch (Thông qua tại Kỳ họp thứ 4 QH14)	01/01/2019	01	BKHĐT	1. Thông tư hướng dẫn về định mức kinh tế - kỹ thuật lập, thẩm định, công bố và điều chỉnh quy hoạch (điểm đ khoản 3 Điều 55)	Đang soạn thảo - Thời hạn trình là Tháng 9/2018
2.	Luật Thủy sản (Thông qua tại Kỳ họp thứ 4 QH14)	01/01/2019	09	BNNPTNT	2. Thông tư quy định việc cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản (khoản 3 Điều 9)	Đang soạn thảo - Thời hạn trình là Tháng 10/2018 - Đã gửi xin ý kiến rộng rãi
				BNNPTNT	3. Thông tư hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản (khoản 5 Điều 12; khoản 4 Điều 13; khoản 2 Điều 16; khoản 4 Điều 17)	Đang soạn thảo - Thời hạn trình là Tháng 10/2018 - Đã gửi xin ý kiến rộng rãi
				BNNPTNT	4. Thông tư hướng dẫn về quản lý giống thủy sản; thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (khoản 2 Điều 23, khoản 2 Điều 31)	Đang soạn thảo - Thời hạn trình là Tháng 10/2018 - Đã gửi xin ý kiến rộng rãi
				BNNPTNT	5. Thông tư quy định việc chứng nhận, xác nhận thủy sản khai thác thủy sản (khoản 3 Điều 60; khoản 4 Điều 61)	Đang soạn thảo - Thời hạn trình là Tháng 10/2018 - Đã gửi xin ý kiến rộng rãi
				BNNPTNT	6. Thông tư quy định về đăng ký, đăng kiểm tàu cá, tàu công vụ thủy sản (khoản 4 Điều 67; khoản 4 Điều 69; khoản 5 Điều 71; khoản 4 Điều 76)	Đang soạn thảo - Thời hạn trình là Tháng 10/2018 - Đã gửi xin ý kiến rộng rãi
				BNNPTNT	7. Thông tư hướng dẫn về thuyền viên tàu cá (khoản 4 Điều 74; khoản 4 Điều 76)	Đang soạn thảo - Thời hạn trình là Tháng 10/2018 - Đã gửi xin ý kiến rộng rãi

				BNNPTNT	8. Thông tư quy định về trang phục của Kiểm ngư; màu sơn, số hiệu, định mức hoạt động của tàu kiểm ngư (khoản 3 Điều 91; khoản 3 Điều 93)	Đang soạn thảo - Thời hạn trình là Tháng 10/2018 - Đã gửi xin ý kiến rộng rãi
				BNNPTNT	9. Thông tư hướng dẫn về đánh giá rủi ro, cấp phép nhập khẩu thủy sản sông (khoản 6 Điều 98)	Đang soạn thảo - Thời hạn trình là Tháng 10/2018 - Đã gửi xin ý kiến rộng rãi
				BTC	10. Thông tư quy định việc thanh toán chi phí cho tổ chức, cá nhân được điều động, huy động, cộng tác viên (khoản 3 Điều 95)	Đang soạn thảo - Thời hạn trình là Tháng 10/2018 - Đã gửi xin ý kiến rộng rãi
3.	Luật Lâm nghiệp <i>(Thông qua tại Kỳ họp thứ 4 QH14)</i>	01/01/2019	07	BNNPTNT	11. Thông tư quy định chi tiết mức độ xung yếu của rừng phòng hộ, phân định ranh giới rừng (khoản 6 Điều 5; khoản 2 Điều 6)	Đang soạn thảo - Thời hạn trình là Tháng 10/2018 - Đã tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức liên quan và đăng tải trên website xin ý kiến rộng rãi (Văn bản số 4660/BNN-TCLN ngày 19/6/2018)
				BNNPTNT	12. Thông tư quy định về quản lý rừng bền vững (khoản 5 Điều 27; khoản 4 Điều 28)	Đang soạn thảo - Thời hạn trình là Tháng 10/2018 - Đã tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức liên quan và đăng tải trên website xin ý kiến rộng rãi (Văn bản số 4473/BNN-TCLN ngày 12/6/2018)

				BNNPTNT	13. Thông tư quy định về điều tra rừng (khoản 3 Điều 33)	Đang soạn thảo - Thời hạn trình là Tháng 10/2018 - Đã tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức liên quan và đăng tải trên website xin ý kiến rộng rãi (Văn bản số 4615/BNN-TCLN ngày 18/6/2018)
				BNNPTNT	14. Thông tư quy định về khai thác lâm sản; hồ sơ lâm sản hợp pháp và quản lý nguồn gốc lâm sản; hồ sơ truy xuất nguồn gốc và đánh dấu mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng (khoản 3 Điều 38; khoản 5 Điều 42; điểm c khoản 2 Điều 72)	Đang soạn thảo - Thời hạn trình là Tháng 10/2018 - Đã tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức liên quan và đăng tải trên website xin ý kiến rộng rãi (Văn bản số 4794/BNN-TCLN ngày 22/6/2018)
				BNNPTNT	15. Thông tư quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp (khoản 5 Điều 44)	Đang soạn thảo - Thời hạn trình là Tháng 10/2018 - Đã tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức liên quan và đăng tải trên website xin ý kiến rộng rãi (Văn bản số 4453/BNN-TCLN ngày 12/6/2018)
				BNNPTNT	16. Thông tư quy định về các biện pháp lâm sinh (khoản 2 Điều 45)	Đang soạn thảo - Thời hạn trình là Tháng 10/2018 - Đã tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức liên quan và đăng tải trên website xin ý kiến rộng rãi (Văn bản số 4452/BNN-TCLN ngày 12/6/2018)

				BNNPTNT	17. Thông tư quy định phương pháp định giá, khung giá rừng (khoản 3 Điều 90)	Đang soạn thảo - Thời hạn trình là Tháng 10/2018 - Đã tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức liên quan và đăng tải trên website xin ý kiến rộng rãi (Văn bản số 4513/BNN-TCLN ngày 13/6/2018)
4.	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao <i>(Thông qua Kỳ họp Thứ 5 QH 14)</i>	01/01/2019	01	BVHTT&DL	18. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết các tiêu chí đánh giá phong trào thể dục, thể thao quần chúng (Điều 12)	Đang soạn thảo - Thời hạn trình là Tháng 10/2018
5.	Luật Đo đạc bản đồ <i>(Thông qua Kỳ họp Thứ 5 QH 14)</i>	01/01/2019	02	BTN&MT	19. Thông tư quy định kỹ thuật về xây dựng bộ bản đồ chuẩn biên giới quốc gia và thể hiện đường biên giới quốc gia, chủ quyền lãnh thổ trên các sản phẩm đo đạc và bản đồ, xuất bản phẩm bản đồ (điểm b khoản 3 Điều 18)	Đang soạn thảo - Thời hạn trình là Tháng 9/2018
				BTN&MT	20. Thông tư quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ (khoản 6 Điều 34)	Đang soạn thảo - Thời hạn trình là Tháng 10/2018